

đầu cuộc vật võ, các chức sắc, chức dịch chiếu sổ, gọi tên hai trai rớt của làng ra vật năm keo trình làng, trình Thánh. Trai rớt còn nhỏ, chưa thể vật được, bố trai rớt phải ra thay. Trường hợp bố trai rớt vắng vì lý do gì đó ốm hay đi vắng, thì ông trai rớt phải ra vật thay. Trường hợp ông vắng, thì người thân cao tuổi của trai rớt phải ra xới. Lệ làng quy định thế, không ai được làm trái, cũng không bao giờ được bỏ cuộc. Với tục lệ ấy, dân làng Liễu Đôi muốn nhân mạnh: sinh ra ở đất này, muốn làm người, trước tiên phải là trai vật võ. Khi vật, hai ông bố của trai rớt chỉ được vật biểu diễn, chứ không được vật thật, không được vật ngã. Nếu lỡ vật ngã, làng sẽ phạt vạ cả hai. Vì sao? Vì hai ông bố thay mặt cho hai xuất đình tương lai của làng chỉ được quyền vật trình làng, ngậm cầu xin Thánh Ông âm phù để hai trẻ mau ăn chóng lớn, trở thành tráng sĩ như lớp lớp cha ông.

#### **4. Tục đô xã làm nền**

Sau năm keo trai rớt, là đến tục “đô xã làm nền”. Có nghĩa là đô của làng Liễu Đôi vào gióng trước để gây không khí, kích thích tinh thần đô vật bốn phương. Khi đô vật bốn phương đã hăng say giao đấu rồi, thì đô bản xã rút ra, nhường gióng cho khách, làm nhiệm vụ động viên, khích lệ là chính.

#### **5. Thẻ thức thi đấu**

Giải và tranh giải:

\* Quy định về tiền thưởng:

Tiền để chi cho giải thưởng trong hội vật Liễu Đôi, như đã nêu, được huy động từ mấy nguồn:

- Thu từ hoa lợi ruộng tự điền
- Thu từ tiền đình (theo đầu đình các giáp)
- Tiền công đúc khách thập phương.

Ba nguồn ấy, thu được bao nhiêu, phải được dân chủ công khai, chi dùng tất cả vào việc đèn, nhang, mua sắm lễ vật, tu bổ đồ nghi trượng, nghi vệ, chi cho giải thưởng. Nếu còn thừa, thì bố thí cho người nghèo khổ, không ai được giữ chi dùng vào việc khác.

Giải vật võ có ba loại gồm giải cộc, giải thứ và giải cuộc. Giải cộc là giải ngoại hạng. Giải thứ có ba bậc: Nhất, Nhì, Ba. Còn giải cuộc là giải mà ban tổ chức hội trao cho những người nhiệt tình, hăng hái vào gióng thi tài. Cũng có năm, giải thưởng không phải bằng tiền mà bằng hiện vật. Nói chung, tiền giải thưởng không lớn, chỉ mang giá trị tinh thần là chính. Dù thế, các đô đạt giải cũng rất phấn khởi, tự hào. Dự đấu gồm những đô khoẻ, giỏi miếng vật, giàu kinh nghiệm, thắng được họ để giật giải đâu có dễ. Không phấn khởi, tự hào sao được. Hơn nữa, khi tranh giải, các đô đã cống hiến hết mình, hy vọng Thánh Ông, Tiên Bà sẽ phù trợ cho một năm mới nhiều phúc lộc, chân cứng đá mềm, mùa màng bội thu.

\* Vào giải: Ai thắng liên tục năm keo liền, thì được vào “vòng giải”. Ai thắng hết các đô trong “vòng giải” thì đạt

giải cọc. Giải cọc chỉ có một, nhưng giải thứ (Nhất, Nhì, Ba) thì có thể nhiều người đoạt được. Những người trong ‘vòng giải’ đấu với nhau, ai thắng năm keo liền thì lên giải Ba. Rồi những đô giải Ba đấu loại mà lên giải Nhì. Giải Nhì đấu loại mà lên giải Nhất. Cách xếp giải theo hình tháp nhọn, từ thấp đến cao.

Cấm kỵ: Làng Liễu Đồi, khi tổ chức vật, đặt ra nhiều quy định cấm kỵ, buộc tất cả các đô đều phải tuân theo, nếu không muốn bị loại ra khỏi cuộc chơi. Đó là:

- Đô vật vào gióng kiêng mặc quần áo, chỉ cởi trần, đóng khố (khố thường, khố bao).

- Kiêng cởi áo và xỏ áo tay phải trước. Vì sao? Theo giải thích của dân Liễu Đồi, tay phải là tay cầm giáo, cầm gươm, phải luôn luôn sẵn sàng cho đến phút cuối trận đấu. Bao giờ đô vật cũng phải cởi áo, hoặc xỏ áo tay trái trước, cho nên tay trái gọi là “tay áo”.

- Cấm các đô ra những miếng hiềm gây nguy hại cho tính mạng đối thủ. Ai vi phạm sẽ bị xử lý nặng. Có thể bị phạt đứng giữa dóng cho một đô khoẻ bế vút ra khỏi dóng và bị cấm tham dự đấu vật, đấu võ vĩnh viễn. Tôn chỉ, mục đích của hội là thượng võ và đoàn kết, do vậy không chấp nhận những hành vi đen tối, thấp hèn, thái độ cay cú, hiếu thắng, dùng mọi thủ đoạn để thắng đối thủ.

### **6. Tục thi món ăn đặc sản**

Hội vật Liễu Đồi thời xưa có một tục lạ. Đó là tục thi món ăn đặc sản. Tục này nảy sinh do yêu cầu của hội vật võ và để phục vụ cho hội vật võ. Trước hôm làng mở hội, các địa

phương trong vùng đem các món đặc sản của quê mình đến quán hội trình làng, dự thi. Món ăn nào được làng Liễu Đồi trao giải, mới được phép bán phục vụ khách thập phương về dự hội:

Những món ăn đặc sản mang thi, mang bán chẳng có gì xa lạ, cũng chẳng phải cao lương mỹ vị gì cả, mà chỉ là những món lươn măng, gà đồng (ếch), ốc bò hóng, xôi gấc, xôi cá rô, chè bà cốt, rượu tằm, bún đường bừa... Đây là những món mang hương vị quê mùa đất chiêm trũng, giản dị, quen thuộc, nhưng qua khả năng chế biến, nấu nướng của người nông dân, mà trở nên ngon lành và hấp dẫn đến lạ thường. Từ tục thi món ăn đặc sản, mà dân Liễu Đồi sáng tạo hàng loạt câu ca dao, tục ngữ, phương ngôn về ẩm thực, nghe rất thú vị:

- “*Chẳng về hội vật thì thôi*

*Về thi đích phải xôi nôi măng bương*”

- “*Ăn ốc bò hóng nàng Nga*

*Ăn rồi cứ ngỡ thịt gà nấu đồng*”

- “*Ăn chè bà cốt Đống Cầu*

*Nao nao trong dạ, xa đâu cũng về*”

- “*Trót ăn xôi gấc làng Chằm*

*Ăn rồi chỉ nằm, để dạ nhớ nhau*”

v.v...

(Ca dao Liễu Đồi)

### **7. Tục Mua lấy may, bày lấy phúc:**

Để có món ngon, món hấp dẫn mà lại hợp với túi tiền của khách thập phương về phó hội, dân làng Liễu Đồi đã chuẩn bị bằng cách thi những món ăn đặc sản, để đem bán trong ngày hội. Khách dự hội, hoặc là đồ vật, hoặc là người tham quan, chỉ có tình cảm say mê với vật võ là chính, còn tiền nong chắc không có nhiều. Bởi thế, dân sở tại phải lo đến giá cả sao cho vừa phải, tránh lợi dụng hội vật để đầu cơ, làm giàu bất chính. Việc mua bán món ăn trong mấy ngày hội vật đã được phương ngôn phản ánh khá đậm nét:

- “Mua lấy may, bày lấy phúc”

- “Mua nghè bán ngãi, tứ hải giao tình”

Mua bán ở đây là để lấy may, lấy phúc, để giao lưu nghĩa tình, gắn bó với nhau, đâu phải vì lãi lời. Do đó, sắp đến ngày hội, người dân vùng chiêm trũng này tìm tòi đủ thứ nguyên liệu để chế biến thành món ăn đặc sản, đem bán phục vụ lễ hội. Bày càng nhiều càng tốt, bán càng nhiều càng hay. Giá thấp cũng bán. Mua được là trọng, bán được là vui. Mua là cầu phúc, bán là cầu may. Đây là tục giàu ý nghĩa nhân văn trong hội vật Liễu Đồi.

### **8. Tục Chạy hồi loan:**

Mặc dù không có tên trong danh sách những trò chơi, những tục lệ có trong hội vật võ Liễu Đồi, song tục Chạy hồi loan lại có liên quan đến hội vật võ vùng quê này. Nguồn gốc của tục như sau: xưa có ba ông thợ thò là những

người có công đào đất vượt thò, tạo dựng lên những làng thôn đầu tiên của Liễu Đồi. Ba ông chạy thi để giành vinh dự được giữ thanh gươm báu dùng giết giặc cứu làng cứu nước. Về sau, con cháu họ đời đời nối tiếp cuộc thi ấy. Người ta rước ba bát hương thờ ba ông ở ba làng là làng Đông, làng Sáu, làng Tháp về hội tế ở chùa Ba Chạ (chùa ba làng), dịp đầu xuân rồi nửa đêm, khi lễ tất, trai làng nào bê bát hương của làng ấy chạy thục mạng về đình làng mình. Làng nào về trước, thắng cuộc, nổi trống trước, sẽ được quyền rước thanh gươm thiêng về thờ. Đến năm sau lại Chạy hồi loan, làng nào thắng sẽ được thay thế giữ gươm thiêng – gươm thần.

### **9. Lễ Trám tự:**

Lễ Trám tự là một tục lệ thiêng liêng, hệ trọng, nhằm lưu truyền một tập binh thư, gọi là “Võ trận”. Giống như tục Chạy hồi loan, lễ Trám tự không xuất hiện trực tiếp trong hội vật võ song có liên quan đến hội này. Tương truyền, tập sách do một tướng thời Trần chọn đất Liễu Đồi làm nơi thao luyện tướng sĩ, khi ra đi, trao lại cho dân năm thôn thuộc làng (xã) Liễu Đồi lưu giữ. Tập sách được xem là vật thiêng, được bảo vệ cẩn mật và truyền đời qua lễ Trám tự (Lễ chém chữ).

Lễ Trám tự được tiến hành vào đêm ba mươi Tết mỗi năm tại chùa Ba Chạ. Gần đến Giao thừa, các tộc trưởng các dòng họ đeo gươm vào quỳ trước bàn thờ Thánh Tiên, trước mặt có một tập giấy, trên có ghi các chữ đầu của

trang trong tập “Võ trận”. Giao thừa điểm, đèn nến tắt, mỗi tộc trưởng rút gươm chém một nhát vào tập giấy trước mặt, chém được bao nhiêu, nhận lấy bấy nhiêu. Hôm sau, ngày 1 Tết, xem đoạn giấy mình chém được thì biết năm ấy họ mình phải học từ trang nào đến trang nào của sách “Võ trận”, liệu mà dạy cho con cháu. Luân chuyển nhiều năm, kết quả là họ nào cũng thuộc lòng sách binh thư. Đến thời Pháp thuộc, do dân bị cấm đeo gươm, cho nên không duy trì lễ Trảm tự nữa, thay vào đó là nghi thức rút thăm. Rút được thăm nào thì học nội dung ghi trên thăm đó. Tiếc rằng tục này nay không còn duy trì nữa<sup>(1)</sup>

\*

\* \*

Vật võ Liễu Đồi là một hội làng mùa xuân có quy mô liên làng, thậm chí gần có quy mô vùng. Như nhiều hội làng khác ở khu vực đồng bằng Bắc bộ, hội vật võ Liễu Đồi bị gián đoạn thời gian khoảng trên 20 năm (1958-1980), mới được phục dựng gần đây. Mặc dù thế, hội vật võ vẫn còn bảo lưu trong lòng nó nhiều nghi thức, diễn xướng và tục lệ cổ xưa, như Lễ Rước Thánh vào gióng, Lễ phát hoả; Lễ trao gươm và thắt khăn đào; Lễ Thanh động; Năm keo trai rớt; Đô xã làm nên; Lễ trao hương; Lễ Trảm tự;

(1) Tục Chạy hội loan và Lễ Trảm tự có thể là một dạng hèm tín ngưỡng có liên quan đến hội vật võ Liễu Đồi chứ không đơn thuần chỉ là nghi thức Hội.

Tục chạy hội loan... Bản thân mỗi nghi thức, mỗi tục lệ lại chứa đựng trong nó nhiều lớp văn hoá khác nhau. Tất cả đều nhằm khắc hoạ tinh thần thượng võ, chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng của người nông dân. Điểm dị biệt của hội vật võ Liễu Đồi so với nhiều hội làng khác ở đồng bằng sông Hồng là coi trọng và đề cao hoạt động vật võ, lấy nó làm nội dung chính, còn các nội dung khác đều không coi trọng. Chính hoạt động vật võ đã quy định diện mạo của hội vật võ Liễu Đồi, khiến nó trường tồn qua nhiều thế kỷ.

*(Theo tài liệu của hai Nhà nghiên cứu*

*Văn hoá dân gian Bùi Văn Cường - Nguyễn Tế Nhị).*

## HỘI ĐÈN TRẦN THƯƠNG

Có một làng quê, không lớn lắm, nhưng có bề dày văn hoá dân gian mà không phải làng (xã) nào thuộc trấn Sơn Nam xưa cũng có được. Đó là làng Trần Thương, tên nôm là làng Miếu, tổng Thổ Ốc, huyện Nam Xang, phủ Lý Nhân xưa, hiện thuộc xã Nhân Đạo, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Trần Thương, không rõ từ khi nào, đã đi vào thơ ca dân gian “Cá Nhân Đạo, gạo Trần Thương”, “Sống Kiếp Bạc, thác Trần Thương, quê hương Bảo Lộc”, nhất là không rõ từ bao giờ, đã dựng một ngôi đền và mở hội đền, gọi là đền Trần Thương, theo cách gọi nôm na của dân sở tại.

Hội đền Trần Thương được định kỳ tổ chức vào giữa mùa thu hàng năm để tưởng niệm, tôn vinh, tri ân công đức của Đức Thánh Trần – Quốc Công Tiết Chế Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, vị anh hùng dân tộc, người có công lao to lớn trong ba cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông xâm lược ở thế kỷ XIII, các bộ tướng dưới quyền cùng gia quyến của ngài; qua đó cầu quốc thái dân an, mùa màng tươi tốt, làng xã thịnh đạt. Về nhân vật được thờ chính ở đền Trần Thương, qua thần tích lưu giữ, có thể tóm tắt những nét chính như sau:

Trần Quốc Tuấn sinh năm 1226 trong một gia đình quý tộc nhà Trần, quê ở làng Tức Mặc, xã Lộc Vượng, ngoại thành Nam Định, tỉnh Nam Định. Cha là An Sinh Vương Trần Liễu – anh ruột vua Trần Thái Tông, vị vua đầu triều Trần. Mẹ là bà Nguyệt. Ngay từ khi mới sinh ra, có ông thầy tướng đã nhìn cậu bé Trần Quốc Tuấn mà nói: “Mai sau có thể kinh bang tế thế được”. Đặt nhiều kỳ vọng vào cậu con trai, Trần Liễu đã cho mời các danh sư giỏi trong nước về dạy văn, võ cho con. Cho nên, về sau Trần Quốc Tuấn đã tỏ rõ là bậc lương tướng học rộng, tài cao, giỏi binh thư, giỏi cung kiếm.

Trong cuộc đời mình, Trần Quốc Tuấn đã ba lần tham gia ba cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông xâm lược. Lần thứ nhất, năm 1254, khi mới ở độ tuổi ngoài hai mươi, Trần Quốc Tuấn đã được triều đình tin cậy giao cho chức danh tướng tiên phong. Ông đã chỉ huy một cánh quân lớn phối hợp với dân binh vùng Tây Bắc ngày đêm

liên tục tập kích làm tiêu hao sinh lực địch, góp phần vào chiến thắng chung của quân dân Đại Việt. Lần thứ hai và thứ ba, ông được vua Trần tin tưởng, phong làm Quốc Công Tiết Chế, thống lĩnh quân đội toàn quốc. Dưới sự chỉ huy tài tình của ông, quân dân Đại Việt, trên dưới đồng lòng, đã đánh bại quân Nguyên Mông do Thoát Hoan đứng đầu – một quân đội hùng mạnh nhất thế giới lúc ấy, chấm dứt giấc mộng chiếm đóng Đại Việt lâu dài của vua tôi nhà Nguyên.

Trần Quốc Tuấn là vị tướng tài đức kiêm toàn, là người biết đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên lợi ích gia đình, giữ vững khối đoàn kết toàn dân, tạo sức mạnh tổng hợp chiến thắng kẻ thù hung bạo. Ngày 20 tháng Tám năm Canh Tý 1300, Bình Bắc Đại Nguyên Soái Hưng Đạo Đại Vương qua đời tại Vạn Kiếp, thọ 73 tuổi. Vua Trần thương tiếc truy tặng ông hàm Thái sư, Thượng Phụ Quốc Công Nhân Vũ Hưng Đạo Đại Vương. Còn dân chúng nhiều vùng, trong đó có dân chúng làng Trần Thương, với lòng thương tiếc, cảm phục, biết ơn, đã lập đền thờ người anh hùng, gọi là đền Trần Thương nhằm suy tôn ngài lên bậc Thánh (Đức Thánh Trần), hàng năm mở hội kỷ niệm với nhiều nghi thức trọng thể cùng nhiều trò chơi, trò thi đấu thể thao – nghệ thuật vừa vui nhộn vừa thiêng liêng<sup>(1)</sup>.

(1) Về thể đất và phương vị đền Trần Thương, theo cách nhìn phong thủy, có khá nhiều giải thích khác nhau. Đây chỉ là một lối giải thích.

Đền Trần Thương được xây cất trên một khu đất rộng, phía đầu làng, xa nơi dân cư, tương truyền trên nền cũ kho lương chính thời Trần – một trong 6 kho lương mà Trần Quốc Tuấn đã đặt để phục vụ cho cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông lần thứ hai (1285). Ngôi đền ngoảnh hướng Nam, tầm vóc bề thế với lối bố cục kiến trúc hình chữ Tam (≡), gồm ba cung: Đệ nhất, Đệ nhị, Đệ tam, với những hàng cột lim to khoẻ, vững chãi, những bức chạm đầu xà, đầu bẩy thể hiện mô típ “Cúc hoá long” khéo léo, tài hoa. Theo cách nhìn phong thủy, thế đất mà đền Trần Thương tọa lạc là thế đất “Hình nhân bái tướng” (Hình người lạy tướng soái). Ở đây có 5 cái giếng. Trước đền có 2 giếng, dân chúng gọi là hai cái “vú”. Con đường chạy vòng quanh hai tay ngài; bên đông, bên tây mỗi bên một giếng, gọi là hai “tai”. Nền trước cung Đệ tam có một giếng tròn nuôi rùa, dân gian gọi là “hố”, “khâu”. Cấu trúc đường, giếng tạo nên thế đất thiêng “Hình nhân bái tướng”. Không chỉ có thế, về mặt phương vị, đền Trần Thương còn có tiền án là sông Hồng trước mặt (phía Nam) – biểu tượng Dương, thu nhận linh khí của chòm Chu Tước trên không trung. Hậu chẩm của đền là gò đất cao sau Hậu cung, hình con rùa đen – biểu tượng Âm, tạo thế tựa vững vàng. Phía Đông của đền là Tả Thanh Long – Dương; phía Tây của đền là Hữu Bạch Hổ - Âm. Cả hai, thế đất “Hình nhân bái tướng” và thế đất “Tiền án – Hậu chẩm”, “Tả Thanh Long – Hữu Bạch Hổ” đã tạo tác ngôi đền vừa đẹp, vừa thiêng,

xứng đáng là nơi thờ tự và tổ chức hội lễ kỷ niệm công đức người anh hùng – vị Thánh trong lòng dân <sup>(1)</sup>.

Từ xa xưa cho đến nay, hội đền Trần Thương được tổ chức vào ba ngày là 18, 19 và 20, tức là dịp trung tuần tháng Tám âm lịch. Trong đó, ngày 18 khai hội, mở cửa đình tiến hành lễ mộc dục; ngày 19 chông kiệu, thực hiện các trò chơi, trò thi đấu thể thao – nghệ thuật; ngày 20 – chính hội, ngày hoá của Đức Thánh Trần có rước kiệu, dâng hương, tế lễ, tổ chức các trò chơi, trò vui, văn hội, đóng cửa đền. Lịch mở hội đền Trần Thương, như thế là trùng hợp với lịch mở hội đền Kiếp Bạc (Hải Dương), đền Trần (Nam Định) vốn là những nơi thờ chính Trần Hưng Đạo ở Bắc bộ. Những năm chẵn, hội đền mở to hơn những năm lẻ. Đây là một trong năm hội lễ có quy mô liên làng của tỉnh Hà Nam, ngày càng thu hút nhiều khách thập phương đến chiêm bái. Vào năm chẵn, cả dân địa phương lẫn du khách, có tới vài nghìn người đổ về đền Trần Thương, trước là tỏ lòng ngưỡng mộ, sùng kính vị Thánh nhân, sau là ngắm cảnh đẹp, thiêng vào loại hiếm có của phủ Lý Nhân xưa. Người ta vượt chặng đường dài đến dự hội đền để mong được ban nhiều phúc lộc, may mắn đã đành; người ta còn hy vọng được trực tiếp quan sát chiêm ngưỡng thế đất “Hình nhân bái tướng” kỳ ảo nữa.

(1) Hành trạng Đức Thánh Trần, lai lịch của ngài được ghi trong nhiều tài liệu lịch sử. Vì thế ở đây chúng tôi (LHB) chỉ nêu sơ lược những nét chính.

Trước ngày hội mở khoảng một tháng, dân làng Trần Thương đã tập trung vào các hoạt động chuẩn bị với tinh thần khẩn trương nhất. Đường làng ngõ xóm dọn dẹp phong quang. Người nào việc ấy, ai cũng tất bật. Quan viên tập tế lễ. Nam nữ thanh niên son trẻ tập rước kiệu, hát múa các điệu dân ca, dân vũ. Đồ nghi trượng, đồ nghi vệ, đồ khí tự, được sửa chữa hay sắm mới. Hội đồng kỳ mục, kỳ dịch thúc giục các giáp thu xếp tiền bạc, lễ vật từ mấy nguồn chính: hoa lợi tự điền, đóng góp đầu đình, tiền công đức, tiền bán các chức danh (nhiêu, xã, phó,...). Trang phục được may mới hoặc khâu vá, sao cho lành lặn. Rồi kiểm tra xem lễ vật mà ông thủ từ và các giáp lo liệu đến đâu. Gần tới ngày hội, các chức sắc, chức dịch họp, cử ra chủ tế, bồi tế, chấp sự, điển văn, cai đám... với những tiêu chuẩn rất khắt khe (không có đại tang, con cái có cả nếp lẫn tẻ, vợ chồng song toàn). Riêng khu vực đền được quét vôi ve, điểm phấn tô son, trang hoàng, rục rờ khác thường.

Theo lệ, ngày 10 tháng Tám âm, dân làng Trần Thương thực hiện nghi thức lễ rước nước, liền sau đó tiến hành lễ xin mở hội. Buổi sáng 10, đúng giờ tốt, một tốp quan viên, phường bát âm, đôi long li, bốn đình tráng cùng vài chục người dân, trang phục chỉnh tề, bắt đầu cuộc rước. Đi đầu là đội cờ, rồi đến đội long li, vừa đi vừa uốn lượn theo nhịp trống rước. Tiếp đến là vị thứ chỉ, đội khăn xếp, áo thụng, quần ống sớ, chân đi giày bán hạ, tay cầm thẻ hương, năm đình vàng mã. Tiếp theo là đội trống đại, vừa đi vừa đánh trống rước. Liền sau đó là đội bát âm với 8

loại nhạc cụ, vừa đi vừa tấu nhạc Lưu thủy hành vân. Tiếp theo là cỗ kiệu nhỏ do bốn đình tráng khiêng, trên có bày cái chèo sứ. Đi sau cùng là hơn chục quan viên và đông đảo dân làng. Ra tới bờ hữu sông Hồng (tên địa phương là sông Hoàng Giang), thứ chỉ dẫn hai đình tráng khiêng chèo xuống thuyền, đã đậu sẵn dưới bến. Bơi ra giữa sông thì dừng lại. Vị thứ chỉ bày lễ, làm rằm khăn vái, chắc là xin Long Vương cho phép lấy nước. Xong thủ tục, ông ta ra hiệu cho hai đình tráng. Hai người này thả xuống sông một cái vòng tròn được làm bằng cật tre, bọc giấy trang kim, có dây buộc, tạo ra không gian “thiên”, rồi họ dùng gáo dừa múc từng gáo nước trong cái vòng tròn đó cho vào chèo. Khi đã đủ số nước cần thiết, họ quay mũi thuyền vào bờ, đưa chèo lên kiệu, rước về đền. Long Li nhào lộn, uốn lượn, cò bay phấp phới, trống chiêng điểm nhịp, kèn sáo vang lừng, đám rước nước từ từ di chuyển trở lại nơi xuất phát. Tới sân đền, người ta thận trọng đưa chèo nước vào đặt trước hương án. Nước ấy sẽ được dùng tắm tượng, tẩy uế trong lễ mộc dục và dùng cho việc tế lễ khi mở hội. Lễ rước nước trước hội đền Trần Thương chứa nhiều ý nghĩa. Trước tiên, nó gửi gắm ước mong phong đăng hoà cốc của người nông dân. Sau là nó gọi mở ý tứ “Uống nước nhớ nguồn”, nhớ và biết ơn các bậc tiền bối đã dày công xây dựng và bảo vệ làng – nước. Cuối cùng nó có thể là hình thức gọi nhớ gốc gác dân chài của Vương triều Trần.

Liền sau lễ rước nước là lễ xin mở hội – một nghi thức và một thủ tục cần thiết, do thứ chỉ hoặc một quan viên làm chủ

lễ. Đã là lễ – dù là lễ to hay nhỏ, cũng phải có lễ vật. Và lễ vật dùng trong lễ xin mở hội ở đây cũng đơn giản, chỉ gồm hương đăng, hoa quả, xôi gà, oản. Khán vải hơi lâu, chủ lễ xin âm dương đoán ý thân. Nếu tung hai đồng chính xuống mặt đĩa, một đồng xấp, một đồng ngửa, tức là thần cho phép làng mở hội. Công việc của làng sau đây cứ thế mà tiến hành. Gọi là xin mở hội, nhưng đó thực tế chỉ là thủ tục buộc phải có, chứ trên thực tế chưa khi nào làng xin mở hội mà thần lại không cho phép.

Sáng ngày 18 tháng Tám, các quan viên làm lễ mở cửa đình và làm lễ mộc dục. Người ta múc nước sạch, nước “thiêng” từ cái chोé, đổ vào cái nồi đồng đã có Ngũ vị, đem đun thành nước thơm hay nước vang. Chủ lễ sau khi khấn vái, kêu cầu, dùng cái chổi nhỏ gồm năm cái lông gà sống thỉn buộc lại với nhau, nhúng vào chén nước thơm kia, rồi vẩy vào thần tượng Đức Thánh Trần, bài vị của ngài và bài vị của cả gia tướng, gia đình ngài. Tiếp theo, người ta dùng vải lụa nhúng vào nước thơm, đem lau chùi chấp kích, bát bảo, hòm sắc. Tất cả những động tác đó, xét kỹ, cũng chỉ mang tính biểu tượng là chính. Tám vải lụa kia sẽ được xé nhỏ làm nhiều miếng, tới hôm chính hội, người ta tung xuống sân đình để người dân giành nhau đem về lấy may. Người dân tin rằng, có được miếng vải lụa kia, cả năm sau sẽ hưởng phúc lộc dồi dào, an khang thịnh vượng, cầu được ước thấy. Nước lau rửa thần tượng, thần vị cũng được đổ ra ruộng để cầu mong mùa màng tươi tốt.

Sau lễ mộc dục, theo chi dẫn của một vị chức sắc, các đình tráng, thanh nữ chông kiệu, kéo cờ thần (cờ hội, loại to) trước cửa đền, báo hiệu kỳ hội làng chính thức mở. Dân gian có câu “Tháng Tám giỗ Cha, tháng Ba giỗ Mẹ”, chính là để trở hai lễ hội lớn kỷ niệm hai vị Thánh: Đức Thánh Trần và Đức Thánh Mẫu Liễu, hai trong số Tứ bất tử của dân tộc Việt. Tâm thức dân gian dân tộc Việt cho đây là hai lễ hội trọng thể nhất trong một năm âm lịch. Buổi chiều cùng ngày có tế lễ, do đội tế nam quan thực hiện. Tất nhiên lễ thức này chỉ diễn ra vào năm chẵn.

Ngày 19 tháng Tám, hội đền Trần Thương tiếp tục diễn biến với các nghi thức tế lễ, hát văn hầu bóng và một số trò chơi, trò vui. Buổi sáng, có hoạt động tế lễ do đội tế nam quan thực hiện.

Ngày 20 tháng Tám, ngày chính hội, ngày trọng thể nhất với dân làng Trần Thương. Sáng sớm, dân chúng đã có mặt đông đủ ở sân đình, chuẩn bị cho lễ rước kiệu – nghi thức thiêng liêng và đông vui nhất trong hội đền. Đúng giờ tốt, ông tiên chỉ gọi loa, tuyên bố lý do, lịch trình rước, lịch trình ngày hội. Cuộc rước được tiến hành ngay sau đó. Khởi đầu là đội long li, do các đình tráng đảm nhiệm. Hai con long (rồng), li (kỳ lân) vừa đi vừa múa lượn, vờn nhau theo nhịp trống rước. Liên sau đội long li là đội nghi trượng do một quan viên chỉ huy, gọi là tông cờ. Giống như đám rước thần nhiều làng quê thuộc phủ Lý Nhân xưa, đội nghi trượng trong đám rước làng Trần Thương trước hết



có hai lá cờ gồm cờ Tiết và cờ Mao, tượng trưng cho uy linh của thần. Sau cờ Tiết – Mao là cờ Ngũ hành với năm màu xanh, đỏ, trắng, tím, vàng, tượng trưng cho năm thành tố cơ bản hợp thành vũ trụ là Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ. Sau cờ Ngũ hành là cờ Tứ linh, mỗi lá theo hình một con vật thiêng gồm long (rồng), li (kỳ lân), quy (rùa), phụng (phượng). Ở đây không thấy cờ bát quái chỉ phương hướng của vũ trụ. Những đỉnh tráng được cử vào đội cờ, đầu đội nón dẫu, mặc quần áo lụa xanh hoặc đỏ, thắt lưng bỏ que, chân quấn xà cạp, dáng vẻ khoẻ khoắn.

Sau đội nghi trượng là đến dàn trống, dàn chiêng do tổng trống, tổng chiêng chỉ huy. Trống đây là trống đại, được hai đỉnh tráng khênh. Song song với trống là chiêng, cũng được khênh bởi hai đỉnh tráng. Cả trống lẫn chiêng vừa đi vừa đánh theo nhịp đôi, cứ một tiếng “tùng” thì lại có một tiếng “beng” kèm theo, gọi liên tưởng đến sự tác hợp Âm (chiêng) – Dương (trống) của triết học cổ đại phương Đông.

Sau đội trống, chiêng là đến đôi ngựa gỗ, kích thước bằng ngựa thật, một con màu đỏ, một con màu trắng. Mỗi con được đặt trên bốn bánh xe, có người kéo, người đẩy. Hình hai con ngựa chẳng những gọi liên tưởng đến sự tác hợp Âm – Dương mà còn gọi cái oai hùng của thần, vì lúc sinh thời, Đức Thánh Trần nhiều lần cưỡi ngựa, dẫn quân xông pha trận mạc.

Sau hai con ngựa, đến đội chấp kích, bát bảo tượng trưng do uy quyền của thần. Chấp kích có gươm, giáo, đao, thương. Bát bảo có dùi đồng, phủ việt, đàn sáo, lăng hoa, thư kiếm, quạt, bầu rượu, túi thơ.

Sau đội chấp kích, bát bảo đến phường đồng văn, gồm trống khâu, thanh la, trống bản, trống com. Cả bọn vừa đi vừa đánh trống theo lối trống rước.

Sau phường đồng văn là một quan viên đội mũ ô sa, mặc quần áo thụng, cầm cờ tướng lệnh và một quan viên khác cũng đội mũ ô sa, mặc quần áo thụng, cầm một thanh gươm. Cờ và gươm đều biểu trưng cho uy phong của thần, nên cả hai quan viên đều có lọng che.

Liên sau là phường bát âm, với tám loại nhạc cụ gồm sáo, nhị, đàn tam, tìu, cảnh, kèn, trống com, trống con. Suốt chặng đường, họ chỉ tấu điệu nhạc Lưu thủy hành vân, nghe trang trọng, nghiêm cẩn.

Sau phường bát âm là kiệu bát cống, kiệu song hành. Kiệu bát cống đi đầu, trên có bày bài vị Hưng Đạo Đại Vương và lễ vật, do tám đỉnh tráng son trẻ thanh tân khiêng. Kiệu song hành đi sau, trên có bày bài vị Thiên Thành Công Chúa – Phu nhân của Trần Hưng Đạo, cùng lễ vật, cũng do tám nữ tú son trẻ thanh tân khiêng, trên có tàn che. Kiệu long đình đi thứ ba, trên có bày bài vị các bộ tướng thân cận của Trần Hưng Đạo là Phạm Ngũ Lão, Yết Kiêu, Dã Tượng. Khiêng kiệu là tám đỉnh tráng chưa có gia đình riêng. Kiệu long đình đi thứ tư bày bài vị bốn người con

traí của Hưng Đạo Đại Vương là Trần Quốc Hiến (Hưng Trí Vương), Trần Quốc Nghiễn (Quốc Vũ Vương), Trần Quốc Tảng (Hưng Nhượng Vương) và Trần Quốc Uy. Tám đình tráng khiêng kiệu này. Khoảng cách giữa các kiệu cũng đều có nghi trượng, biển hiệu vua ban.

Đi sau kiệu thứ tư, tức là đi cuối cùng và hộ giá có đội tể nam quan, các quan viên, kỳ mục, kỳ dịch, nam phụ lão ấu của làng và khách thập phương tới dự hội. Như lịch trình mà vị tiên chỉ đã tuyên bố lúc khởi đầu, đoàn rước xuất phát từ đền, ra đường trục liên xóm, đi hết đường trục của làng thì quay trở lại sân đền. Dọc đường, những ngõ xóm mà đám rước đi qua, dân chúng đều bày lễ bái vọng, đèn nhang nghi ngút. Quãng đường cả đi lẫn về, khoảng 3.000 mét, đám rước phải đi mất một canh rưỡi, tương đương 180 phút, giờ đương đại. Theo hồi ức của các bậc cao niên làng Trần Thương, đám rước thần làng họ xưa kia có đám con nhang, đệ tử tham dự, cá biệt có cả trường hợp con nhang đem theo cả xiêm linh, phải có người đi bên cạnh đỡ đỡ cho khỏi ngã. Rồi có cả hiện tượng kiệu bay nữa, rất kỳ lạ và vui nhộn.

Khoảng 9h, đám rước về tới sân đình. Đúng khi đó, đám rước văn tế từ nhà ông điểm văn cũng đến nơi. Cuộc đại tế kỳ phúc, kỳ yên được diễn ra ngay sau đây, ở sân đền và gian trung tâm cung Đệ nhất (toà Tiền tế) với đầy đủ các nghi thức long trọng nhất: dâng hương; hiến tửu; hiến lễ; đọc thần tích, sắc phong; đọc chúc văn trong nhịp trống tế

và trên nền nhạc Lưu thủy hành vân, trước sự chứng kiến của hàng trăm con dân địa phương và khách thập phương gần xa. Trình tự tế lễ kỳ phúc, kỳ yên ở đền Trần Thương ngày chính hội cơ bản giống trình tự tế lễ ở các hội làng khác như hội Đình Thượng (làng Thanh Nộn), hội đền Ba Dân (liên làng Thụy Sơn, Trung Hoà, Hồi Trung), hội đền Lành (làng Yên Lạc), hội đình - đền Vũ Cố (làng Ô Cách)... Điểm khác nhau, là hoạt động tế lễ trong hội đền Trần Thương có quy mô lớn hơn rất nhiều so với hoạt động tế lễ ở các hội làng khác và ba lần tế trong kỳ hội. Do tác động của cơ thể thị trường, hoạt động tế lễ được thực hiện tới mức ba lần, kéo dài từ 15 tháng Tám đến 20 tháng Tám, quy mô rất to lớn, ít nhiều đã nhuộm màu sắc khoa trương. Thời gian mở hội, thời gian “thiên” theo cách hiểu dân gian, được kéo dài tới 6 ngày liên tục, chứ không còn bó hẹp chỉ trong ba ngày như xưa nữa.

Cuộc đại tế kỳ phúc, kỳ yên trong hội đền Trần Thương kết thúc sau một canh rưỡi (khoảng 180 phút giờ đương đại). Dân chúng lần lượt vào lễ tạ Thánh, cầu xin ngài âm phù cho bản thân và gia đình an khang thịnh vượng. Một số gia đình khá giả hơn làm cỗ chay hoặc cỗ mặn tiến cúng Đức Thánh Trần vào dịp này.

Cả xưa lẫn nay, trong hội làng (hội chùa, hội đình, hội đền...), bao giờ tế lễ cũng đi liền với lễ vật và ẩm thực. Lễ vật dùng trong hội đền Trần Thương không khác biệt nhiều so với lễ vật dùng trong các hội làng khác ở Bắc Bộ.

Như đã nêu, lễ vật cúng khi tế lễ chỉ gồm hương đăng, xôi gà, Ngũ quả, bánh chưng, bánh dày, mâm xôi sò lợn đen thiến, cá chép (lý ngư) sống. Phải khẳng định rằng, hiến tế thần bằng món cá chép sống, thả trong ang, là lễ vật rất riêng, rất độc đáo của hội đền Trần Thương. Người ta chọn mua sắm con cá chép sống, màu trắng hoặc đỏ, thả vào ang nước, đặt trước hương án khi tế lễ. Món lễ vật kỳ lạ đó, một mặt gợi nhớ nguồn gốc dân chài của nhà Trần, mặt khác chứa đựng ước mơ học hành, đậu đạt khoa cử của người dân, vì cá chép gắn với sự tích ba lần vượt vũ môn hoá rồng, giống như các nho sinh ba lần thi Hương, thi Hội, thi Đình đỗ Tiến sĩ, Trạng nguyên. Vì vậy, tế lễ kết thúc, người ta không mổ thịt cá chép chế biến các món ăn mà đem ra sông Hồng phóng sinh. Ở mức độ nào đó, có thể nhìn nhận đây là một thứ hèm tái hiện gốc gác thuyền chài của Vương triều Trần, một Vương triều anh hùng, từng ba lần chiến thắng quân Nguyên Mông hung bạo nhất thế giới lúc bấy giờ<sup>(1)</sup>.

Đã là một hội làng, dù lớn hay nhỏ, thì bên cạnh các nghi thức rước xách, tế lễ, bao giờ cũng có các trò chơi, trò thi đấu thể thao – nghệ thuật. Hội đền Trần Thương không nằm ngoài thông lệ đó. Tìm hiểu diễn biến hội đền qua lớp người cao tuổi, chúng tôi biết hội này có một số

---

(1) Xem xét lễ vật cá chép sống được tế ở đền Trần Thương như một thứ hèm gợi nhớ nguồn gốc nhà Trần là quan điểm riêng của chúng tôi.

trò chơi, trò thi đấu thể thao như bơi chải, đấu cờ tướng, đi cầu kiều, tổ tôm điếm, đấu kiếm, đấu gậy, vật dân tộc, bắt vịt dưới hồ, kéo co, múa long – li, tam cúc điếm, chọi gà... Buổi tối ngày 18 và 19 tháng Tám có diễn chèo ở sân đền.

Các trò chơi nêu trên không tách rời mà liên đới hoặc đan xen với tế lễ, theo nghĩa trong lễ có hội, trong hội có lễ, chúng thông qua nhau mà phát huy tác dụng. Dưới đây, chúng tôi khảo tả, đánh giá một số trò hội tiêu biểu.

### *\* Trò đấu cờ tướng*

Hội đền Trần Thương có tới hàng chục trò chơi song trò đấu cờ tướng là trò có quy mô lớn hơn cả, được lịch sử hoá, “thiên” hoá cao độ, thu hút nhiều khán giả đến xem nhất. Trò đấu cờ tướng diễn ra ngay trên sân đền, trước cửa cung Đệ nhất, vào buổi chiều ngày 19 khi không có tế lễ. Đây được coi như trò chơi mở đầu cho loạt trò chơi tiếp sau. Trực tiếp tham gia thi đấu có các lão nhiều, kỳ lão, chức sắc, kỳ thủ địa phương và kỳ thủ các làng quê lân cận, nói chung là khá đông kỳ phùng địch thủ.

Thể thức thi đấu như sau: sáng 18 tháng Tám, các kỳ thủ tham gia vòng “khảo chịch”, tức là đấu loại. Những kỳ thủ trình độ non sẽ bị loại ngay từ đầu. Chỉ những người thắng cuộc mới được vào đấu tranh giải Ba. Những kỳ thủ thắng trong tranh giải Ba mới được vào đấu, tranh giải Nhì. Cuối cùng, những kỳ thủ đạt giải Nhì giao đấu tranh giải Nhất. Giải Ba có thể có vài kỳ thủ đạt được. Giải Nhì có

thể hai kỳ thủ đạt được. Nhưng giải Nhất thì chỉ có một kỳ thủ đạt được. Do quy mô và tính chất đấu loại chặt chẽ và khắt khe như thế, nên làng bố trí lịch thi đấu loại, lịch đấu giành giải Ba và giải Nhì từ sáng hôm 18, cũng ở sân đền. Chiều 19 tổ chức vòng đấu giành giải Nhất, cho hai kỳ thủ đạt giải Nhì hôm trước.

Vòng đấu tranh giải Nhất trải qua ba ván, mỗi ván kéo dài 45 phút. Nếu một kỳ thủ thắng đối phương hai ván liên tục, thì không phải đấu ván thứ ba nữa, thắng thua đã được phân định. Nếu hai ván đầu, mỗi người thắng một ván hoặc đều hòa cả, thì phải đánh ván thứ ba để phân định thắng thua. Ván thứ ba mà vẫn hoà thì phải đánh ván thứ tư để định ra được người giành giải Nhất. Lệ không chấp nhận lối chơi hoãn, chơi hựu, cũng không chấp nhận kỳ thủ tính toán nước cờ lâu, kéo dài thời gian quá mức quy định.

Trước khi vào vòng đấu giành giải Nhất, một vị quan viên thấp hương trước tượng và bài vị Trần Hưng Đạo xin mượn bộ quân cờ sừng và bàn cờ bằng gỗ, đằng sau có hai kỳ thủ chấp tay đứng, trình diện thân. Khi quan viên đem quân cờ sừng và bàn cờ gỗ từ trong Hậu cung ra hiên cung Đệ nhất, hai quan viên cao tuổi, gia phong tốt, giỏi cờ ngồi vào bàn, bày quân sẵn. Cùng lúc, dưới sân đền, quân cờ bằng người thật đã dàn trận đấu ra đây, trong tư thế sẵn sàng. Một bên quân Nam, y phục màu đỏ; một bên quân nữ y phục màu trắng. Hai kỳ thủ đứng trên ghé cao ở hai bên, tay phải cầm thanh long đao bằng gỗ, sơn son

thếp vàng, tay trái cầm cờ đuôi nheo làm lệnh. Ban giám khảo có ba người do ba vị quan viên vốn là ba cựu kỳ thủ của làng đảm nhiệm. Giúp việc cho Ban giám khảo có một đình tráng, chuyên cầm dùi đánh trống thúc, không cho kỳ thủ nghỉ lâu quá.

Vào trận đấu, kỳ thủ đôi bên tay phát cờ, miệng hô to chỉ huy quân tiến thoái theo ý đồ chiến thuật riêng của mình. Diễn biến trận đấu được hai quan viên ngồi hai đầu bàn cờ gõ tái diễn lại y si qua sắp xếp vị trí các quân cờ sừng, đúng như vị trí quân cờ người đứng dưới sân đền. Cứ kỳ thủ dưới sân đi một nước, thì quan viên ngồi ở bàn cờ gõ lại đi một bước, có tính chất trùng lặp máy móc, bởi mục đích là ghi “nhật ký” trận đấu. Khi vòng đấu giải kết thúc, Ban giám khảo xác định được người thắng cuộc, thì người ta dùng nước Ngũ vị rửa quân cờ, bàn cờ, lau sạch sẽ, đem cất vào Hậu cung, chờ đến hội đền năm sau.

Kỳ thủ đạt giải Nhất, Nhì, Ba của trò đấu cờ tướng dĩ nhiên được làng trao thưởng. Tuỳ theo thứ bậc giải mà mức thưởng cao thấp khác nhau, nhưng nhìn chung chỉ mang tính tượng trưng là chính. Dù thế, người được thưởng cũng cảm thấy tự hào và hy vọng Đức Thánh Trần âm phù cho nhiều phúc lộc vì đã cống hiến hết năng lực làm vui lòng ngài.

Trò đấu cờ tướng trong hội đền Trần Thương tiềm ẩn nhiều ý nghĩa. Nó đề cao tính thông minh, nhanh nhạy, táo bạo và quyết đoán, biết chọn thời cơ và tận dụng tối đa thời

cơ để giành thắng lợi. Sâu xa hơn, nó ngầm ca ngợi tài thao lược, chiến lược chiến thuật của Hưng Đạo Đại Vương trên cương vị Tổng tư lệnh quân đội nhà Trần thế kỷ XIII.

**\* Trò đấu vật:**

Như nhiều hội làng ở đồng bằng Bắc bộ, hội đền Trần Thương có trò đấu vật, hay còn gọi là “vật dân tộc”, “đánh vật”. Đây là môn thể thao phổ biến nhất. Gọi là “phổ biến nhất” vì hầu hết các làng quê đều có, vì đấu vật không chỉ được tổ chức trong hội làng mà còn được tiến hành cả trong dịp Tết Nguyên đán nữa. Lệ lối tổ chức và thể thức quy định thi đấu trong hội đền Trần Thương cơ bản giống với lệ lối và thể thức thi đấu của nhiều làng quê Bắc bộ, đã được Toan Ánh khảo tả trong “Nếp cũ – hội hè đình đám” (2 tập). Do vậy, chúng tôi chỉ khảo tả những điểm chính, không nêu sâu vào tiểu tiết của đối tượng.

Xét nhiều khía cạnh, đấu vật trong hội đền Trần Thương, là trò thi đấu – thể thao của những phường đô vật ít nhiều mang tính chất “chuyên nghiệp”. Hiểu như thế, bởi tham dự đấu vật phải là những tráng đinh, những “đô” khoẻ mạnh, biết “miếng”, biết “mẹo”, lại thường xuyên luyện tập. Họ vừa dẻo, vừa dai sức, không dễ chấp nhận thua cuộc.

Theo lệ lối và thể thức quy định đấu vật của làng Trần Thương, khi thi đấu, bên nào muốn được Ban giám khảo công nhận thắng cuộc, thì phải làm cho đối thủ “ngã trắng bụng”, hoặc phải nâng bổng đối thủ lên khỏi xới vật. Còn nếu đối thủ chỉ ngã sấp hay bị nâng lên nhưng chân tay

vẫn còn bám vào xới vật thì không bị coi là thua cuộc. Hai ‘đô’ phải tiếp tục thi đấu cho đến khi phân định rõ thắng, bại. Cũng theo thể thức thi đấu làng đặt ra, giải vật có ba loại chính gồm Nhất, Nhì, Ba. Ngoài ba giải chính còn có giải loại. Như thế cũng có nghĩa là cuộc đấu vật phải trải qua bốn bước chính. Bước một, trọng tài cho các “đô” đấu loại theo từng cặp. Bước thứ hai, trọng tài cho các ‘đô’ đấu tranh giải Ba. Bước thứ ba, trọng tài cho các “đô” thi đấu tranh giải Nhì. Bước thứ tư, trọng tài cho các “đô” thi đấu tranh giải Nhất. Do các “đô” tham gia thi đấu đông, cho nên vòng đấu loại đã được Ban tổ chức cho tiến hành từ ngày 15, 16 tháng Tám. Ngày hội chỉ tổ chức vòng đấu tranh giải chính thức thôi. Cũng do các “đô” tham gia thi đấu đông, cho nên làng phải đặt lệ đấu vòng tròn, lệ giữ giải. Lệ lối và thể thức thi đấu này nói chung giống lệ lối và thể thức đấu vật trong hội đình, hội đền các làng Quyển Sơn, Thụy Sơn, Phương Lâm, Phúc Lâm (phủ Lý Nhân xưa), Mai Động (Hà Nội), Thúc Vụ, Lương Xá (Nam Định), Chung Mậu (Bắc Ninh)... Đồng thời nó cũng khác xa so với thể thức, thể lệ vật của hội vật võ Liễu Đôi (Thanh Liêm, Hà Nam). Tại giải đấu vật làng Trần Thương, không có nghi thức “Rước Thánh vào gióng”, “Lễ phát hoả”, “Lễ trao gươm và thắt khăn đào”, “Lễ thanh động”, cũng không có lệ “Đô xã làm nền”, “Năm keo trai rút” như ở hội vật võ Liễu Đôi. Tại cuộc thi đấu vật trong hội đền Trần Thương chỉ có các thể thức:

- Giải Nhất trong sáu, ngoài năm
- Giải Nhì trong năm, ngoài bốn
- Giải Ba trong bốn, ngoài ba

Ban giám khảo giải vật có ít nhất ba người. Một vị quan viên điều hành chung, một vị quan viên làm trọng tài, một đình tráng chuyên đánh trống đại cầm nhịp cho trận đấu. Để tham dự cuộc đấu, các “đô” cởi trần, đóng khố. Khố thường may bằng vải lụa, đủ che kín bộ hạ. Cách trang phục ấy vừa khoẻ, vừa gọn, vừa oai phong. Trước khi đấu vật, các cặp “đô” đều phải lễ vọng vào gian trung tâm của cung Đệ nhất, tỏ ý xin phép thần. Khi trọng tài ra hiệu, keo vật bắt đầu, trống nổi vang dội. Cặp đô vật vào xới, xe đài, khua chân múa tay theo bài bản, mềm dẻo và đẹp mắt. Xe đài chừng đôi phút, hai đô vật mới xông vào vờn nhau. Họ huy động tay, chân, mắt để lừa miếng. Tất cả các thế vật đều được tận dụng đến mức tối đa. Bên thì toan dùng miếng bóc sườn, bên thì định dùng mẹo đội bóng. Bên định vít cổ, bên thì có ý khóa tay. Trống thúc liên hồi, tiếng hò reo của khán giả vang dội cả góc đền. Khi cuộc đấu đi vào tình thế giằng co, gay cấn, chính khán giả cũng căng thẳng, hồi hộp như người đang trong cuộc.

Kết thúc giải, một vị chức sắc thay mặt làng trao giải thưởng cho những “đô” thắng cuộc, đạt thứ hạng Nhất, Nhì, Ba. Tùy theo mức giải cao thấp mà có phần thưởng tương xứng, song thực ra chỉ mang tính tượng trưng là chính. Không ai trông đợi nhiều vào giải thưởng. Vấn đề

là ở vinh dự, là tài năng cá nhân được làng công nhận. Khi đạt thứ hạng giải cao, không chỉ “đô” mà cả gia đình đều rất sung sướng, tự hào.

Trò đấu vật trong hội đền Trần Thương có ý nghĩa gì? Trước hết, nó là cách rèn luyện sức khoẻ, trí thông minh, tinh thần quyết thắng. Đây là điều rất cần thiết và quan trọng đối với nam thanh niên thời xưa. Vào thời chiến, đó là điều kiện cần để rèn luyện tinh thần dũng cảm, xả thân bảo vệ làng, nước. Vào thời bình, đó là môn thể thao nuôi chí lớn. Các triều đại phong kiến nước ta, trong đó có triều Lý, Trần, Lê sơ, Lê Trung Hưng không chỉ có hình thức tuyển quan lại bằng con đường khoa cử mà còn có hình thức tuyển quan võ bằng con đường thi đấu võ, vật võ. Người dự tuyển, tùy theo bậc thử thách khác nhau mà được nhà nước công nhận học vị và được phục vụ trong quân đội. Thời Lê Trung Hưng, học vị cao nhất của ngạch võ là Tào sĩ, tương đương học vị Tiến sĩ ngạch văn. Vì thế, trước thế kỷ XX, đấu vật là một trong nhiều con đường tiến thân đối với các đình tráng, nhất là đình tráng con nhà nghèo, không có điều kiện kinh tế theo học nơi cửa Khổng sân Trình. Trong một giới hạn nào đó, đấu vật còn là cách người dân ngấm tôn vinh võ công oanh liệt, hiển hách của Trần Hưng Đạo. Nhờ tài thao lược, tầm nhìn sâu rộng, ý chí quyết chiến quyết thắng của vị Nguyên soái mà quân dân Đại Việt ba lần đánh bại quân xâm lược Nguyên Mông hung dữ và thiện chiến.

### *\* Trò Hát văn – hầu bóng*

Không chỉ có hội Phú Giày (Nam Định), hội Đền Sòng – Phó Cát (Thanh Hoá), hội Tây Hồ (Hà Nội), là những cơ sở thờ chính Tam phủ, Tứ phủ mới có diễn xướng Hát văn – Hầu bóng, mà hội đền Trần Thương, hội đền Kiếp Bạc (Hải Dương), hội Đền Trần (Nam Định) là những nơi thờ chính Trần Hưng Đạo cũng có diễn xướng này. Đây là một sinh hoạt ca múa nhạc – tín ngưỡng không khó giải thích. Khi đưa trò Hát văn – Hầu bóng vào hội đền Trần Thương, chắc rằng dân gian đã đặt việc thờ phụng Trần Hưng Đạo trong tương quan biện chứng giữa Đức Thánh Mẫu Liễu Hạnh với Đức Thánh Phụ Hưng Đạo Đại Vương. Chẳng phải ngẫu nhiên mà phương ngôn có câu cửa miệng “Tháng Tám giỗ Cha, tháng Ba giỗ Mẹ”. Đã quan niệm Liễu Hạnh Công chúa là Mẹ, Đức Thánh Trần là Cha thì việc đưa Hát văn – Hầu bóng vào hội đền Trần Thương là tự nhiên, đương nhiên, tựa như con người muốn sống được thì phải ăn, uống, phải hít thở không khí.

Trong ba ngày hội, vào lúc không có tế lễ, tại cung Đệ nhị, các cung văn, con nhang, đệ tử tổ chức Hát văn (Hát chầu văn), Hầu bóng (lên đồng) – một hình thức hát thờ rất phổ biến trong lễ hội Tam phủ, Tứ phủ. Các cung văn, con nhang, đệ tử thực hiện liên tục các giá đồng. Ôp đồng nhân vật nào thì có giá văn nhân vật ấy. Diễn xướng Hát văn, Hầu bóng ở đền thờ Đức Thánh Trần, cho nên giá văn về ngài tất nhiên phải có, phải được ưu tiên hàng đầu. Sau

giá văn Đức Thánh Trần, lần lượt đến “Văn Công đồng”, “Văn Liễu Hạnh Công chúa”; “Văn chầu Đệ nhất”, “Văn chầu Đệ nhị”, “Văn chầu Đệ tam”, “Văn chầu Đệ tứ”, “Văn chầu Đệ ngũ”, “Văn chầu lục Bắc Lệ”, “Văn Bà chúa Thác Bờ”, “Văn Quan lớn Đệ nhất”, “Văn Quan lớn Đệ nhị”, “Văn Quan lớn Đệ tam”... Để thực hiện một giá đồng, đòi hỏi phải có sự tham gia liên kết chặt chẽ của cung văn, con đồng chính, con đồng phụ, tín chủ, con nhang, đệ tử. Quá trình diễn xướng các vai đồng và giá văn là quá trình các cung văn, con đồng, đệ tử gắn kết một cách không tự giác tín ngưỡng thờ Mẫu vào với tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần. Hai tín ngưỡng ấy đan xen vào nhau trong suy tư của họ. Tâm linh người bình dân không đòi hỏi phân biệt rạch ròi giữa tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần với tín ngưỡng thờ Mẫu của đạo Tam phủ, Tứ phủ, chỉ cần các vị âm phù cho quốc thái dân an, làng xã và gia đình họ được thịnh đạt là đủ. Văn Đức Thánh Trần dài tới trăm câu thơ song thất lục bát, đủ sức thuật lại lai lịch, hành trạng, công đức của Trần Hưng Đạo với nước với dân:

*“Oai phong tướng mạo đường đường*

*Khuê trương vũ khí đông lương đại tài*

*Võ thao lược hùng tài quán cổ*

*Văn kinh luân khí độ Việt nhân*

*Triều bang vĩ cực hoàng thân*

*Nội tham binh chính, ngoại cần đồng binh*

*Mưu quyết thắng Không Minh tích trí*

*Phép hành binh Bạch Khởi tri danh*

*Thiên văn Thái Ất tung hoành*

*Tứ kỳ bát chính quán tinh trận đồ*

*Tác miếu đường quy mô đại bị*

*Lập đền đình cương kỷ hưng long*

*Uy danh cái thế anh hùng*

*Bắc Nam viết Thánh, đông tây xưng thần...”*

Qua lời ca của cung văn và qua diễn xuất của con đồng, có thể hiểu tâm thức dân gian đã xem Trần Hưng Đạo như người nhà trời được Ngọc hoàng Thượng đế cho giáng thế cầm quân Nam đánh đuổi quân Nguyên Mông ra khỏi bờ cõi Đại Việt. Dân Đại Việt vì thế đời đời biết ơn, tôn vinh, thờ phụng ngài trên cương vị một ông Thánh có khả năng sát quỷ, trừ tai, ban phúc lộc cho con người. Khả năng ấy gần giống với khả năng của Mẫu Liễu. Chính vì thế mà hội mở, dân chúng địa phương và khách thập phương kéo về khá đông<sup>(1)</sup>.

(1) Không chỉ hội đền Trần Thương mà hội đền Kiếp Bạc, hội đền Trần Nam Định cũng có hát văn Hầu bóng. Lớp văn hoá đặc thù của đạo Tam phủ, Tứ phủ có khả năng mới được “cấy ghép” vào tín ngưỡng Đức Thánh Trần khoảng thế kỷ XVVII, XVIII, XIX, khi đạo Mẫu thịnh hành chăng?

### **\* Kéo co:**

Bên cạnh các trò chơi đấu cờ tướng, đấu vật, hát văn – Hầu bóng, hội đền Trần Thương còn có kéo co. Trò chơi này có mặt trong nhiều hội làng vùng đồng bằng sông Hồng, xưa kia cũng như hiện giờ, được nhiều dân chúng hưởng ứng. Về thể thức trò chơi kéo co, chúng tôi đã khảo tả trong hội đền Ba Dân, hội đình Lạt Sơn, không tiện nhắc lại. Diễn biến trò chơi cũng tương tự như nhau. Dầu vậy, trò kéo co hội đền Trần Thương cũng có cái riêng, không lẫn vào trò kéo co những nơi khác. Cái riêng đó biểu hiện ở thành phần tham dự, không phân biệt nam nữ, không kén chọn đình tráng. Người ta cho phép hai bên kéo co có cả nam lẫn nữ, hoặc một bên nữ một bên nam, miễn là số người mỗi bên bằng nhau. Trường hợp kéo co một bên nam, một bên nữ thì làng quy định tất cả đều son trẻ, thanh tân. Kéo co phải trải qua bao keo, bên nào thắng liền hai keo là bên ấy được công nhận thắng và được làng tặng thưởng. Tương tự như trò đấu cờ tướng, trò đấu vật, hát văn, trò kéo co lôi cuốn đông khán giả, khiến hội đền thêm bề thế, vui nhộn.

### **\* Trò đi cầu Kiêu:**

“Đi cầu Kiêu” là tên gọi khác của trò đi cầu khi, đi cầu phao mà chúng tôi đã khảo tả chi tiết trong hội đền Bà Lê Chân, hội đền Lảnh Giang. Trò chơi nhằm đề cao tính khéo léo, nhanh nhẹn của người chơi. So với trò kéo co, đấu vật,



đầu cờ tướng, đẩy gậy, trò này không phổ biến bằng. “Cầu Kiều” đây là một cây luồng, một đầu được cột chặt vào cái cọc tre đục phía bờ hồ (trước cửa đền), một đầu cột vào cái cọc tre phía lòng hồ, dưới là nước không sâu lắm. Bên trên cầu phía lòng hồ có treo giải thưởng gồm mấy quan tiền và mấy cuốn sách chữ Hán “Trung dung”, “Đại học”; “Luận ngữ”. Ai vượt được cầu, giật được giải thưởng thì được sở hữu giải thưởng đó. Thực chất đây là hình thức khuyến học, khuyến tài, chấn hưng việc học hành, khoa cử. Song vì cầu Kiều có độ đàn hồi lớn, bấp bênh, cho nên rất ít người vượt qua để được giật giải thưởng. Trò chơi cũng lôi cuốn đông khán giả xem và không khí hội thêm sôi động.

\* \*

\*

Hội đền Trần Thương không rõ hình thành chính xác vào thời kỳ nào, nhưng ít nhất cũng manh nha khoảng thời điểm sau khi Trần Hưng Đạo hoá năm 1300<sup>(1)</sup>. Trải qua nhiều tháng năm, hội đền có nhiều biến chuyển, theo chiều

---

(1) Trần Hưng Đạo ngay từ khi còn sống đã được một số làng quê thờ làm thần. Sau khi ngài hoá, trên đất nước Việt Nam có nhiều nơi thờ ngài với tư cách vị Thánh, gọi là Đức Thánh Trần. Tuy nhiên, nơi thờ chính đối với Đức Thánh Trần vẫn là đền Kiếp Bạc ở Chí Linh, Hải Dương, đền Bảo Lộc ở ngoại thành Nam Định, tỉnh Nam Định.

hướng ngày càng lớn hơn về quy mô và dung lượng. Kể từ khi đất nước vận hành cơ chế thị trường, mỗi khi hội mở, có tới hàng nghìn người tham dự, gần đạt tới tầm hội vùng, một trong 5 hội lớn của tỉnh Hà Nam hiện giờ. Hy vọng rằng, với tình cảm sùng kính, trân trọng, biết ơn, dân làng Trần Thương sẽ duy trì lâu dài hội đền Trần Thương. Là nơi thờ Trần Hưng Đạo, đền Trần Thương lưu giữ nhiều biểu tượng “thiên” chưa được giải mã, như thế đất “Hình nhân bá tướng”, “Tả Thanh long, hữu Bạch hổ”, “Tiền án hậu chẩm”. Thế đất, vị trí dựng ngôi đền có liên quan như thế nào đến hành trạng và tính chất thiêng liêng của đền thờ Đức Thánh Trần? Đó là điều mà các nhà nghiên cứu văn hoá dân gian cần quan tâm lý giải giúp cho ý nghĩa xã hội của hội đền thêm chiều sâu lịch sử – văn hoá.

## HỘI ĐÌNH CHÂU

Thôn Châu - đó là tên gọi khác của thôn Châu San – một trong hai thôn của làng (xã) Kiện Khê, tổng Kỳ Cầu, huyện Thanh Liêm, phủ Lý Nhân, trấn Sơn Nam xưa, hiện nay thuộc thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Từ xa xưa, dân chúng trong phủ Lý Nhân đã từng biết đến thôn Châu làng Kiện Khê với nghề đánh đá nung vôi qua câu ca dao:

*Lụa Nha Xá<sup>(1)</sup>, đũi Chi Long<sup>(2)</sup>*

*Chè xanh Bài Lễ<sup>(3)</sup>, vôi nòng Kiện Khê<sup>(4)</sup>*

Nhưng đâu chỉ có thế. Cũng từ lâu rồi, người dân phủ Lý Nhân xưa đã biết đến địa danh thôn này qua động Phúc Long, qua Chùa Châu và qua Đình Châu gắn liền với hội đình, gọi theo khẩu ngữ dân gian là hội Đình Châu. Có người gọi gộp chung là hội Đình Châu, Chùa Châu (vì đình nằm ngay cạnh chùa). Đây được xem là một trên hơn ba mươi hội làng hiện vẫn còn duy trì và sống động<sup>(5)</sup> của tỉnh Hà Nam.

Hội Đình Châu, Chùa Châu được dân thôn Châu tổ chức thường niên nhằm tôn vinh, tưởng niệm công đức của bốn

---

(1) Nha xá: Làng nghề dệt lụa cổ truyền nay thuộc xã Mộc Nam, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Đình làng thờ Trần Khánh Dư làm Thành hoàng và Tò nghề.

(2) Chi Long: làng nghề dệt đũi, hiện chưa rõ thuộc xã, huyện nào của tỉnh Hà Nam.

(3) Bài Lễ: còn có tên khác là làng Do Lễ, xã Liên Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Đây là làng canh tác cây chè xanh từng đi vào ca dao dân ca nổi tiếng ngon và mát “Uống chè Bài Lễ ngon hơn chè Tàu” – Ca dao.

(4) Kiện Khê: Làng nghề khai thác đá nung vôi, trước đây thuộc Sở Kiện, nay thuộc thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

(5) Theo số liệu điều tra của Sở Văn hoá - Thể thao – Du lịch Hà Nam, trên địa bàn tỉnh hiện chỉ còn khoảng trên 30 hội làng đang còn hoạt động thường niên.

vị Thành hoàng gồm: Ông Sơn Đại Vương Nguyễn Hiền; Thượng tướng Phạm Ngũ Lão; Bản cảnh Thành hoàng; Hậu thổ Thừa Thiên. Qua đó, dân thôn cũng gửi gắm ước mơ mưa thuận gió hoà, mùa màng bội thu, bán được nhiều vôi, nhiều đá xây dựng, nhân khang vật thịnh, quốc thái dân an.

Trong bốn vị Thành hoàng nêu trên, trừ Điện súy Thượng tướng Phạm Ngũ Lão có sự tích rõ ràng, còn lại ba vị kia sự tích đều thất lạc, chưa khôi phục được. Về Thành hoàng Điện súy Thượng tướng Phạm Ngũ Lão truyền thuyết địa phương và ngọc phả đang được lưu giữ tại Đình Châu đã kể về hành trạng của ngài, ít nhiều đã nhóm màu kỳ ảo như sau: Thời xưa ở làng (xã) Phù Ứng, huyện Đường Hào, lộ Hồng<sup>(1)</sup>, có một gia đình họ Phạm, chồng là ông Phạm Minh, vợ là bà Nguyễn Thị Hải. Ông bà đều là lương y trị bệnh cứu người, lại hiền lành, lương thiện, nên được láng giềng quý mến. Một đêm, bà Hải nằm mơ thấy có ngôi sao sáng bay vào miệng, bèn nuốt ngay đi. Từ đấy bà có thai. Hai vợ chồng đều khắp khởi vui mừng. Vào một ngày đẹp trời năm Ất Mão (1255), bà Hải trở dạ, sinh được một đứa con trai, mặt mày khôi ngô, tuấn tú, hàm én, mắt phượng. Ông bà mừng rỡ, đặt tên cho con là Lão, thường vẫn gọi là Phạm Ngũ Lão. Được cha mẹ hết lòng nuôi dưỡng, lại cho học hành chu đáo, lớn lên, Phạm Ngũ Lão tỏ rõ là một tráng đinh

---

(1) Thời Trần cả nước được chia làm 12 lộ, châu (miền núi), trong đó có lộ Hồng, tương đương với tỉnh Hưng Yên ngày nay.

văn võ song toàn, lại có chí lớn, khác hẳn những bạn bè cùng trang lứa. Tính cách nổi trội ở Phạm Ngũ Lão là vị tráng niên này thường hay giao lưu với những kẻ cùng chí hướng, thích ngâm vịnh thơ ca. Bài thơ chữ Hán thể Thất ngôn tứ tuyệt được coi là của ông dưới đây đã bộc lộ rõ ý chí làm trai của bậc anh hùng thời loạn, quyết lập công vì đất nước:

*Hoành giáo giang san cáp kỷ thu*

*Tam quân tỳ hổ khí thôn Ngưu<sup>(1)</sup>*

*Nam nhi vị liễu công danh trái*

*Tu thích nhân gian thuyết Vũ Hầu<sup>(2)</sup>*

Dịch nghĩa:

*Múa giáo non sông trải mấy thu*

*Ba quân khí mạnh nuốt sao Ngưu*

*Làm trai vị chẳng nên công trạng*

*Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ Hầu.*

Tương truyền, nhà Ngũ Lão cạnh đường cái lớn, thuận cho ông sống bằng nghề đan lát. Một hôm, có một đạo quân lớn đi từ Vạn Kiếp về Kinh, qua nhà Ngũ Lão, với

(1) Sao Ngưu: một trong Nhị thập bát tú (hai mươi tám vì sao), theo cách nhìn phong thủy của người xưa.

(2) Vũ Hầu: tức phong của Gia Cát Lượng Khổng Minh thời Tam quốc.

chừng vài chục lính dẹp đường. Đó là đạo quân của Trần Hưng Đạo. Phạm Ngũ Lão không hề sợ, cứ ngang nhiên ngồi đan sọt giữa đường, mặc cho quân lính tiền trạm quát thét. Bị quân lính dẹp đường đâm một nhát giáo, Ngũ Lão không hề biết. Thấy sự lạ, Trần Hưng Đạo bèn cho dừng quân, hỏi nguyên do. Phạm Ngũ Lão thưa là đang mài nghề việc nước nên không để ý. Hưng Đạo hỏi về thao lược, về phép cầm quân, về văn chương, Ngũ Lão đều trả lời vanh vách, trôi chảy, đâu ra đấy. Vị Nguyên soái đương triều hài lòng, sai đắp thuốc vào chỗ đau rồi thu nhận Phạm Ngũ Lão vào quân ngũ.

Lịch sử dân tộc đã ghi nhận Phạm Ngũ Lão là một hổ tướng, giỏi văn võ và tài thao lược. Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông hung bạo xâm lăng lần thứ hai (1285), lần thứ ba (1288), ông đã lập nhiều chiến công lớn, được Hưng Đạo Đại Vương quý mến, gả con gái nuôi là Quận chúa Anh Nguyên cho. Sau đấy, ông còn phụng mệnh vua, ba lần cầm quân đánh dẹp giặc Ai Lao (Lào) quấy phá vùng biên giới phía Tây đất nước, giữ vững chủ quyền quốc gia. Bởi vậy, ông rất được vua Trần nể trọng.

Năm 1320, Điện suý Thượng tướng quân Phạm Ngũ Lão qua đời ở phủ đệ riêng, thọ 66 tuổi. Vua Trần và triều đình thương tiếc, bãi châu 5 ngày và tổ chức quốc tang rất trọng thể. Sau khi ông hoá, nhiều nơi lập đền thờ, quy mô to lớn. Tại thôn Châu, làng (xã) Kiện Khê, dân chúng cũng lập đền thờ ông, với tính cách là Phúc thần. Sau này khi có

đình, dân chúng thờ ông ở đình làm Thành hoàng, cùng với Bản cảnh Thành hoàng vốn là người địa phương. Cũng ở thôn Châu, còn có ngôi đền ở sát chân núi thờ ông và Thủy tinh phu nhân tương truyền là vợ thứ của Điện súy, được cho là người của bản thôn. Bà gá nghĩa cùng Thượng tướng Phạm Ngũ Lão khi ông hành quân đánh giặc qua đây.

Đình thôn Châu được xây dựng từ lâu và đã qua nhiều lần trùng tu. Công trình ngoảnh hướng Đông, hướng có sông Đáy chảy qua, giáp đường cái lớn. Ngoài cùng là hệ thống Ngũ môn làm theo kiểu chồng diêm tám mái, đường nét hài hoà. Đi qua một sân thềm lớn là đến công trình chính. Công trình bố cục hình chữ “Tam” gồm ba toà, là toà Đệ nhất (Tiền đường) với 5 gian, toà Đệ nhị (Trung đường) với 5 gian, toà Hậu cung (Chính tẩm) 3 gian. Tổng số 13 gian, lợp ngói nam, có bờ băng kim nóc, đồng trụ hài hoà.

Bộ khung chịu lực của đình có 6 vì, thiết kế kiểu chông rường, mê cốn, bảy tiền, bảy hậu. Hai vì giáp hồi phía Bắc, phía Nam, ở các con đường đều chạm khắc hình rồng, hình ly theo mô típ “Long – Li nô giỡn”; “Mẫu Long giáo tử”, “Mẫu Ly giáo tử”, rất công phu, khéo léo, tinh tế. Bảy tiền gian giữa, nghệ nhân xưa cũng chạm khắc hình Long Li Quy Phượng (Tứ linh) theo các mô típ “Long tàng vân”, “Quy ẩn ao sen”, “Ly ngư hoá Long”, “Vân ám” khéo léo, hào phóng.

Ngay sau Đình Châu là Chùa Châu, tên chữ là: “Châu San tự” (Chùa Núi Châu) hoặc “Long Sơn Tự” (chùa núi

Rồng). Chùa nằm sâu vào vách đá, ngay cạnh cửa hang động Phúc Long. Hiện Chùa Châu ngoảnh hướng Nam, có ba toà, bố cục theo kiểu tiền chữ “Nhất”, hậu chữ “Đình” với 10 gian. Phía trước chùa có hồ và sân rộng, rồi đến đường chính dẫn ra Tam quan. Chính điện chùa bày các pho tượng Phật phái Đại thừa, như tượng Tam thế, tượng A di đà, tượng La Hán Tuyết Sơn, tượng Di Lặc, tượng Như Lai, tượng Kim Cương. Tất cả đều được tạc công phu, tự nhiên, tỉ lệ cân đối, thích hợp. Do đình và chùa ở gần nhau, khi hội mở, cả hai công trình đều có người ra vào, đều tổ chức các diễn xướng, cho nên người ta gọi chung là hội Đình Châu, Chùa Châu. Trên thực chất, đó thực sự chỉ là hội đình thôi, không phải hội chùa, như một số khách thập phương vẫn quan niệm, do hiểu lầm từ tên gọi.

Từ xưa cho đến trước năm 1955, hội Đình Châu, Chùa Châu được dân thôn tổ chức vào một số ngày trong năm: 12 tháng Mười âm – ngày hoá của đức Cao Sơn; 21 tháng Mười một âm – ngày tế lễ đức Lão Thượng tức Điện súy Phạm Ngũ Lão; rằm tháng Ba âm – tế lễ Bản cảnh Thành hoàng, có giao hiếu với thôn Tháp; 23 tháng Chạp – tế đức Hậu Thổ. Khoảng bốn chục năm trở lại đây, lịch hội đình thôn Châu có thay đổi vì nhiều lý do khác nhau (mất cơ sở kinh tế của hội làng là ruộng tự điền, không còn tổ chức giáp...) Đó là hội đình, hội chùa được tổ chức vào ba ngày: 14, 15 và 16 tháng Ba âm tại khuôn viên đình, chùa, đền thờ Thủy Tinh Phu nhân và Bạch Hoa Công chúa dưới chân Núi Châu, khúc sông Đáy trước cửa đình. Cụ thể,